

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 03/3/2022

V/v: TrA chấp ly hôn

NHÂN DA

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN**

Tòa phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Diễm A Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Công Nguyên và bà Phan Thị OA.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 223/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về “TrA chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trương Thị Ngân H, sinh năm 1990; Nơi cư trú: số 51 Ấp H, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Nguyễn Đại H, sinh năm 1986; Nơi cư trú: 151 THĐ, phường 3, thành phố, tỉnh Phú Yên. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nguyên đơn Trương Thị Ngân H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Trương Thị Ngân H và A Nguyễn Đại H tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy CNKH số 25 ngày 18/3/2016. Tuy nhiên cuộc sống hôn nhân chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Từ năm 2019 thì vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn. Vì lý do dịch bệnh Covid-19 còn phức tạp, chị ở xa nên đề

ngợi Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị.

Về con chung: có hai con chung là Nguyễn Trương H M, sinh ngày 02/5/2016 và Nguyễn Trương H A, sinh ngày 12/5/2018, hiện nay đang sống với mẹ. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, không cần A H phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

- *Tại biên bản hoà giải, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Đại H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị H vì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung.

Về con chung: có hai con chung là Nguyễn Trương H M, sinh ngày 02/5/2016 và Nguyễn Trương H A, sinh ngày 12/5/2018, hiện đang sống với ông bà ngoại tại Tiền Giang. Nay A H đề nghị giải quyết cho A được trực tiếp nuôi cả hai con. Lý do vì chị H đi làm xa, giao con cho ông bà ngoại chăm sóc nên không đảm bảo được điều kiện nuôi dưỡng, giáo dục con tốt nhất. Bản thân A làm nghề xây dựng, đang làm việc tại tHnh phố Tuy Hoà, thu nhập bình quân trên 10.000.000đ/tháng nên có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn đồng ý ly hôn và đề nghị HĐXX xem xét quyền nuôi con. Trường hợp HĐXX giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng thì A cũng đồng ý vì hiện nay các con đang sống cùng mẹ và ông bà ngoại rất tốt. Bị đơn sẽ tự nguyện cấp dưỡng theo khả năng và sẽ làm đơn thay đổi người nuôi con khi cần thiết.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Nguyên đơn đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

+ Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, giao hai con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tra chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết tra chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại 151 Trần Hưng Đạo, phường 3, tHnh phố T, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tHnh phố T, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Nguyên đơn đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến Hnh xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Ngân H và A Nguyễn Đại H tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang nên là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và các đương sự đều thống nhất ly hôn. Vì vậy HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: có hai con chung là Nguyễn Trương H M, sinh ngày 02/5/2016 và Nguyễn Trương H A, sinh ngày 12/5/2018. Căn cứ Biên bản xác minh, Biên bản lấy lời khai ngày 29/12/2021 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang (thực hiện theo yêu cầu của Quyết định uỷ thác thu thập chứng cứ số 29 ngày 16/12/2021 của Toà án nhân dân tHnh phố Tuy Hoà) thì chị Trương Thị Ngân H và các con Nguyễn Trương H A, Nguyễn Trương H M có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống cùng hộ với ông bà ngoại Trương Văn T, Nguyễn Thị U tại số 51 Ấp H, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang từ khi các cháu M, A còn nhỏ. Điều này là phù hợp với lời khai của nguyên đơn về việc vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2019, chị và các con về nH cha mẹ ruột sinh sống, nuôi con từ đó đến nay. Căn cứ lời khai của chị Trương Thị Ngân H, ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị U và xác nhận của địa phương xã P thì chị H hiện đang làm việc tại tHnh phố Hồ Chí Minh nên phải gửi con cho ông bà ngoại trông nom giúp nhưng thường xuyên về thăm nH mỗi tuần 1-2 lần, các con được ông bà ngoại chăm sóc rất tốt, địa phương chưa tiếp nhận phản ánh nào về việc vi phạm quyền trẻ em đối với hai cháu. Do đó xác định người có nghĩa vụ, trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng hai con trong suốt thời gian qua chính là chị Trương Thị Ngân H. Hiện nay các cháu còn nhỏ nên để đảm bảo cuộc sống ổn định, tránh xáo trộn làm ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của trẻ, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị H, trình bày của ông T, bà U về việc giao hai con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Tại phiên tòa, bị

đơn cũng có ý kiến thống nhất nên HĐXX chấp nhận giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên A H không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[3] **Về án phí:** Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trương Thị Ngân H được ly hôn với A Nguyễn Đại H.

- Về con chung: giao hai con chung là Nguyễn Trương H M, sinh ngày 02/5/2016 và Nguyễn Trương H A, sinh ngày 12/5/2018 cho chị Trương Thị Ngân H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; A Nguyễn Đại H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: không xét.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn Trương Thị Ngân H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004630 ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi Hành án dân sự tHnh phố T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thoả thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- UBND xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Giấy CNKH số 25 ngày 18/3/2016);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Diễm A Trúc

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Công Nguyên Phan Thị OA

Lê Diễm A Trúc

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Minh Tuyết

Lê Thị ThA Thuận

Lê Diễm A Trúc

Nơi nhận:

- TA tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- UBND phường 6, Tp T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Diễm A Trúc

